

NGUYỄN KẾ HÀO

MODULE THCS

2

**ĐẶC ĐIỂM HỌC TẬP
CỦA HỌC SINH
TRUNG HỌC CƠ SỞ**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

HS THCS có “Mục tiêu kép” như Luật Giáo dục quy định: “Giáo dục trung học cơ sở nhằm giúp HS củng cố và phát triển những kết quả của giáo dục tiểu học; có học vấn phổ thông ở trình độ cơ sở và những hiểu biết ban đầu về kĩ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT, trung cấp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động” (mục 3, Điều 27).

- Hoạt động học của HS THCS là hoạt động cơ bản bắt đầu phát triển tiếp cận trình độ lí thuyết, lí thuyết gắn với thực hành – “Học đi đôi với hành” theo mục tiêu giáo dục toàn diện. Kết thúc cấp THCS HS có được hành trang cần thiết chuẩn bị trở thành một công dân bình thường trong xã hội hiện đại.
- Module này góp phần gợi mở giúp GV tự học, tự bồi dưỡng để có khả năng hiểu biết thêm về lí luận và vận dụng vào thực tiễn dạy học ở THCS.



B. MỤC TIÊU

Sau khi tham gia bồi dưỡng, HV có được nhận thức, kĩ năng và thái độ:

- Nắm được đặc điểm của hoạt động dạy và hoạt động học ở THCS.
- Có kĩ năng vận dụng những hiểu biết về chuyên môn, nghiệp vụ để đổi mới nội dung và phương pháp dạy học ở THCS.
- Có ý thức hơn trong việc giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, nâng cao tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nghề và tình cảm yêu quý, tôn trọng HS – thế hệ tương lai của đất nước.



C. NỘI DUNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu hoạt động học của học sinh trung học cơ sở

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm dạy học của bản thân, bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình về:

* Đặc điểm tâm, sinh lí của HS THCS:

* Hoạt động chủ đạo của HS THCS:

* Đặc điểm hoạt động của HS THCS:

* Tổ chức hoạt động cho HS THCS:

* Tổ chức hoạt động GD cho HS THCS:

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết ra với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Đặc điểm tâm, sinh lí của học sinh trung học cơ sở

* Về thể chất:

HS THCS có tuổi đời từ 11 đến 15 tuổi, tuổi có biến động lớn và có ý nghĩa đặc biệt của đời người với một số đặc điểm sau:

- Cơ thể phát triển tuy chưa thật hoàn thiện nhưng các em đã có sức lực khá mạnh mẽ (từ xa xưa đã có câu: “gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu”).
- Tuổi dậy thì (biểu hiện nam tính và nữ tính).
- Hoạt động giao tiếp là hoạt động chủ đạo, trước hết là với HS cùng lứa. Qua đó hình thành tình bạn của tuổi thiếu niên (tình bạn của HS các lớp đầu cấp thường là tình bạn cùng giới đến các lớp cuối cấp xuất hiện tình bạn khác giới; có hoạt động học (học – hành) là hoạt động cơ bản.
- Tuổi vị thành niên: HS THCS có độ tuổi từ 11 đến 16, các em không còn là trẻ con nhưng cũng chưa phải là người lớn, là tuổi thiếu niên và thanh niên đã có sự phát triển về sinh lý và tâm lý, các em thích làm người lớn nhưng chưa ý thức được đầy đủ, vị thế xã hội của các em là vị thành niên. Trong nền văn hoá của dân ta, từ xa xưa đã có quan niệm “Con dại cái mang” và người dân thường cư xử với nhau như thế. Thời nay, trong giáo dục, GV THCS cũng nên có quan niệm và cách ứng xử: “HS mắc khuyết điểm thì GV cũng có phần trách nhiệm”.

* Về hoạt động tập thể của HS THCS:

- Các hoạt động đoàn thể: HS THCS thuộc lứa tuổi thiếu niên, ngoài hoạt động học – hành là hoạt động cơ bản các em còn có các hoạt động khác như sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh theo các hình thức: nghi thức Đội, hoạt động văn thể, giao lưu tâm tình chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, sinh hoạt, kể cả những vấn đề tế nhị ở tuổi dậy thì, tuổi vị thành niên, gia cảnh.

Nếu như ở lứa tuổi HS tiểu học, các em thần tượng thầy giáo, cô giáo của mình, thì lên cấp THCS do trình độ hiểu biết cao hơn, đặc điểm tâm sinh lý phát triển hơn nên các em không còn giữ thần tượng như trước mà đã có sự định hướng giá trị sống, những giá trị mà các em hướng tới, như tình bạn, khả năng cá nhân (muốn thể hiện mình, không còn “ngoan ngoãn” kiểu trẻ thơ).

- Các hoạt động công ích xã hội: giúp đỡ người khó khăn, làm từ thiện, tham gia gìn giữ, tôn tạo các khu di tích, công viên, nơi sinh hoạt công cộng.

Các hoạt động tập thể của HS THCS thường do các em tự tổ chức thực hiện, GV chỉ hướng dẫn trợ giúp từ khâu xây dựng kế hoạch đến điều kiện triển khai thực hiện, cách thức thực hiện.

* Về tâm lí:

- Tự coi mình là người lớn nhưng chưa thật trưởng thành, thường vẫn bị người lớn nhìn nhận là “trẻ con”, dẫn đến tình trạng có “rào cản” về sự chia sẻ giữa HS THCS và người lớn, trước hết là các bậc cha mẹ.
- Tình cảm của HS THCS phát triển phong phú, trước hết là tình bạn cùng trang lứa, các em nhạy cảm, sẵn sàng cảm thông chia sẻ với bạn và muốn được bạn cảm thông chia sẻ với mình, điều mà các em còn ít nhận được từ các bậc cha mẹ, GV.
- Nhận thức của HS THCS phát triển khá cao, đáng chú ý là sự phát triển tư duy khoa học (tư duy lí luận), tính trừu tượng và tính lí luận trong nhận thức.
- Ý chí của HS THCS phát triển khá cao, các em đã có sức mạnh về thể chất và tinh thần để có thể vượt qua những khó khăn trở ngại trong học tập và trong cuộc sống.

Điều đáng chú ý trong dạy học và giáo dục HS THCS là độ trưởng thành về nhân cách và vị thế xã hội của các em. Trong nền văn hoá của dân tộc ta có câu: “Con dại cái mang” – được vận dụng coi như là lẽ sống của người dân trong cách ứng xử với trẻ nhỏ trong cộng đồng xã hội. Trẻ vị thành niên – HS THCS chưa hoàn thiện về nhân cách, chưa đủ độ chín như một công dân để chịu trách nhiệm hoàn toàn về hành vi lối sống của mình nên nhà trường và gia đình vẫn có phần trách nhiệm đối với các em.

2. Hoạt động chủ đạo của học sinh trung học cơ sở

Theo các nhà tâm lí học, HS THCS có hoạt động giao tiếp (giao lưu), trước hết là với bạn bè cùng trang lứa là hoạt động chủ đạo. Theo nhà tâm lí học A.H. Leônchep thì hoạt động chủ đạo là hoạt động có một số dấu hiệu chính sau đây:

- Hoạt động lần đầu tiên xuất hiện ở một giai đoạn phát triển của đời người với đúng nghĩa của nó cả về nội dung và phương thức thực hiện.
- Qua hoạt động này tạo ra cái mới trong tâm lí của HS.
- Trong lòng của hoạt động này có mầm mống của hoạt động chủ đạo mới.

Một số nhà chuyên môn cho rằng HS THCS có hai hoạt động chủ đạo, đó là hoạt động giao tiếp và hoạt động học tập. Một số nhà chuyên môn

khác lại coi hoạt động học tập của HS THCS là hoạt động cơ bản, còn hoạt động chủ đạo là hoạt động giao tiếp.

Dù quan niệm có phần khác nhau nhưng các nhà giáo, nhà sư phạm đều có sự định hướng chung trong hành động. Đó là trách nhiệm đối với HS, luôn vì lợi ích học tập của các em “Tất cả vì HS thân yêu”; đó là việc tổ chức tốt hoạt động học tập cho HS THCS; đồng thời chú ý tổ chức, tạo điều kiện để HS THCS được thực hiện hoạt động giao tiếp lành mạnh. Đó là đặc điểm của hoạt động dạy học ở cấp THCS.

3. Hoạt động học của học sinh trung học cơ sở

Hoạt động học của HS THCS được kế thừa và phát triển phương thức của hoạt động học – tập đã được định hình ở tiểu học, nhưng được phát triển theo phương thức mới, đó là học – hành. Đến cấp THCS HS được học nhiều môn học, thường mỗi môn có GV dạy riêng (GV chuyên trách môn học). Nhiều môn học, chủ yếu là các môn khoa học tự nhiên như môn Vật lý, Hoá học, Sinh học... được tổ chức dạy và học theo hướng gắn với thực hành trong phòng học bộ môn (có tính chất phòng thí nghiệm) theo cách thức: học lí thuyết rồi thực hành, thực nghiệm để hiểu rõ hơn, nắm vững hơn về lí thuyết. Cấp THCS là cấp học bắt đầu có tính lí thuyết, đương nhiên vẫn cần có kĩ năng, vẫn áp dụng cả phương thức học – tập (học gắn với luyện tập và luyện tập để học) đã hình thành được ở cấp tiểu học.

Cấp THCS là cấp học có mục tiêu phổ cập giáo dục chung có tất cả HS ở từng lớp, từng trường. Trình độ phổ cập chỉ là yêu cầu tối thiểu, bắt buộc dành cho lứa tuổi THCS. Tuy nhiên mỗi HS, tùy thuộc vào khả năng riêng và điều kiện mà mình đạt được kết quả có phần khác nhau, tối thiểu từ chuẩn phổ cập trở lên.

Học – hành là phương thức học tập chủ đạo, phương thức đặc trưng thực hiện hoạt động học của HS THCS. Phương thức chủ đạo hiện rõ ở hoạt động học một số môn khoa học có tính thực hành, những môn học mà khi học điều gì thì HS cần được làm thực nghiệm, thực hành – “Học đi đôi với hành”, trước hết để hiểu và nắm vững lí thuyết, kế đó là lĩnh hội phương pháp học tập, rồi dùng lí thuyết và phương pháp học – hành đó để lĩnh hội kiến thức mới và vận dụng những điều học được để học tiếp và để sống.

HS THCS đã lĩnh hội được phương thức học – tập, đang hình thành phương thức học – hành. Đó là cơ sở để hình thành từng bước phương thức học mới – tự học ở cấp độ ban đầu. Trên thực tế, khả năng tự học của con người đã xuất hiện từ trước đó, kể cả ở người lớn chưa hề được qua nhà trường nhưng đó chỉ là dạng tự học kiểu mò mẫm, kiểu “thử và sai”, đó là cách tích lũy kinh nghiệm qua trải nghiệm chứ chưa phải là phương thức “tự học” với đúng nghĩa của thuật ngữ này.

4. Tổ chức hoạt động học cho học sinh trung học cơ sở

Đối với cấp Tiểu học, việc tổ chức hoạt động học cho HS được diễn ra trong từng lớp học theo định mức đang hướng tới là khoảng 15 – 30 lớp/trường, khoảng 20 – 30 HS/lớp và đưa trường lớp gần với khu dân cư nơi ở của HS. Việc tổ chức hoạt động học dành cho HS cấp THCS được thực hiện theo hướng tập trung hơn, quy mô số lớp/trường và số HS/lớp lớn hơn để đáp ứng được hoạt động dạy và học ở cấp học này. Đó là một số yêu cầu có tính đặc trưng đối với cấp học, như:

- GV được chuyên môn hoá, thường chỉ dạy một môn học ở một số lớp trong cùng một khối lớp, hoặc dạy một môn học ở các khối lớp khác nhau (do nhu cầu thực tế, hiện nay nhiều nhà chuyên môn đang bàn tới việc đào tạo GV THCS có khả năng dạy hai hoặc ba môn gần nhau).
- Trong trường cần có phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn.
- HS đã lớn hơn, có thể đến trường trong khoảng cách khoảng vài ba cây số (có một số HS đến trường bằng đoạn đường xa hơn thế).
- Hoạt động của tổ chuyên môn có vai trò quan trọng trong hoạt động dạy và học theo phương châm “Dạy tốt – học tốt”.

HS THCS không phải chỉ học trong phòng học dành riêng cho lớp mình mà nhiều bài học, tiết học phải được thực hiện trong phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn hoặc trên hiện trường như khu thí nghiệm thực hành về sinh học, khu di tích lịch sử, bảo tàng lịch sử, sinh học... Những bài học này rất có ích cả về kiến thức khoa học và kĩ năng thực hành, kĩ năng giao tiếp và hoạt động nhóm.

Trong quá trình học tập để lĩnh hội tri thức, kĩ năng, hình thành thái độ tương ứng, HS luôn cần sự hướng dẫn giảng giải của GV khi thì trực tiếp

(trực diện trên lớp), cũng có khi gián tiếp qua sách, tài liệu và các phương tiện thu nhận thông tin và dạy học gián tiếp (thầy trực tiếp và thầy ẩn tàng). Những phương pháp dạy học của GV và theo đó là phương pháp học hành của HS như thế nào là tùy thuộc vào nội dung bài học và điều kiện cụ thể. Đến trình độ này, HS có thể làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm theo sự chỉ dẫn của GV và sự hướng dẫn trong sách hoặc trong các tài liệu tham khảo hữu ích.

Có thể nói rằng, phương pháp giảng dạy của GV, theo đó là phương pháp thực hiện hoạt động học của HS phụ thuộc vào nội dung học tập và các điều kiện – phương tiện phục vụ cho hoạt động dạy và học, phụ thuộc vào trình độ “tay nghề” – chuyên môn và nghiệp vụ của GV. Chính vì thế mà nhiều nhà chuyên môn khẳng định vai trò quan trọng của GV THCS – người quyết định chất lượng giáo dục hay là quyết định sự thành bại của giáo dục.

Hoạt động học của HS THCS được GV tổ chức hướng dẫn theo các phương pháp có thể là khá phong phú đa dạng, tùy thuộc vào nội dung và điều kiện và có thể gọi bằng tên chung là phương pháp “Thầy tổ chức – Trò hoạt động” (được trình bày cụ thể ở hoạt động 2).

5. Tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh trung học cơ sở

Đối với HS THCS, ngoài hoạt động học các em còn có nhu cầu lớn về các hoạt động khác với nội dung phong phú, đa dạng. Các hoạt động giáo dục đó tạo điều kiện để mỗi HS phát triển thể lực, phong phú về tâm hồn, đặc biệt là hình thành ở các em định hướng giá trị – điều mà các em nhận thức, tìm kiếm, thể hiện, nhìn nhận về mình, về người khác và về xã hội, trước hết là các giá trị, như:

- Giá trị có được từ học tập: đó là những kiến thức cơ bản, những kĩ năng cơ bản, phương pháp học tập khoa học.
- Giá trị về sự trưởng thành của bản thân: đó là sự hình thành tư duy khoa học (tư duy lí luận), là những phẩm chất nhân cách chân chính.
- Giá trị về sự ứng xử trong các mối quan hệ: đó là cách ứng xử với tự nhiên, với xã hội theo cách thức khoa học đã học được, là tình cảm đẹp với con người, trước hết là những người thân, như sự cảm thông chia sẻ, là sự

quan tâm chăm sóc người thân, là sự quan tâm giúp đỡ người khác khi cần thiết trong hoàn cảnh có thể.

- Giá trị về sự nhận thức và tình cảm của mình với gia đình và xã hội, với quê hương đất nước.

ĐÁNH GIÁ

Bạn hãy chia sẻ với đồng nghiệp để thực hiện những yêu cầu sau:

- 1) Trao đổi tìm hiểu về tuổi vị thành niên.
- 2) Khảo sát tìm hiểu đặc điểm hoạt động học của HS THCS.
- 3) Thảo luận về thực trạng dạy và học ở THCS.
- 4) Đề xuất biện pháp tổ chức hoạt động học dành cho HS THCS.
- 5) Tìm hiểu, xác định những giá trị cuộc sống phù hợp với lứa tuổi HS THCS mà nhà trường cần định hướng và có biện pháp hình thành cho các em.

Hoạt động 2: Tìm hiểu công nghệ dạy học cấp trung học cơ sở

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm dạy học của bản thân, bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình về công nghệ dạy học theo những nội dung sau:

- * Tại sao nói, dạy học ở THCS là nghề sử dụng công nghệ dạy học?

- * Nêu các yếu tố của công nghệ dạy học.

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết ra với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Dạy học ở trung học cơ sở là nghề sử dụng công nghệ dạy học

Nghề dạy học là nghề được thực hiện bởi con người được đào tạo chuyên biệt, có nội dung xác định, phương pháp hợp lí, quy trình chặt chẽ và những điều kiện cần thiết khác. Tất cả đều hướng đạt mục tiêu giáo dục. Nghề dạy học có công nghệ thực thi, công nghệ đó có ba đặc điểm chính như sau:

- Công việc được chủ động tổ chức (tổ chức một cách tự giác).
GV được đào tạo chuyên ngành nào, trong năm học được phân công dạy ở khối lớp nào (kể cả dạy môn thứ hai) đều được biết và nhận nhiệm vụ ngay từ đầu năm học; kế hoạch dạy học của môn học đó cũng được định rõ cho mỗi năm học cùng với chương trình, tài liệu, chuẩn kiến thức và kĩ năng và các điều kiện phục vụ cho hoạt động dạy và học. Nghĩa là GV có thể hình dung được công việc của mình trong cả năm học.
- Công việc được chủ động kiểm soát cả quá trình và kết quả đầu vào, đầu ra.

Việc dạy học của GV là công việc mà họ biết được đầu vào hiện có và có thể có, biết được kết quả giảng dạy (kết quả học tập của từng HS) qua từng

tiết học, cả quá trình học và định kì (giữa học kì, cuối học kì, cả năm học) bằng cách tự theo dõi, tự kiểm tra đánh giá của GV, bằng cách tự nhận định đánh giá của HS theo hướng dẫn của GV, bằng nhận xét của gia đình.

- Nghề dạy học được chuyển giao từ thế hệ trước sang thế hệ sau, từ người này sang người khác.

Từ xa xưa đã hình thành các cơ sở đào tạo GV – người làm nghề dạy học, đó là trường sư phạm và các khoa sư phạm trong các trường cao đẳng đại học đa ngành.

Được đào tạo qua trường sư phạm, GV dạy môn học cụ thể nào đó ở bất cứ trường lớp nào trên phạm vi cả nước đều diễn ra theo bài bản, về cơ bản, giống nhau về chương trình, phương pháp, phương thức, đặc biệt là về nghiệp vụ sư phạm. Chính vì lẽ đó mà Nhà nước có quy định bắt buộc đối với những người làm nghề dạy học là ngoài trình độ chuyên môn cần phải có nghiệp vụ sư phạm. Ví dụ, những cử nhân toán học, sinh học... ở các cơ sở ngoài sư phạm (Đại học Tổng hợp, Bách khoa...) nếu muốn làm nghề dạy học thì cần học bổ sung về nghiệp vụ sư phạm để có chứng chỉ sư phạm. Đối với GV tiểu học thì cần thiết phải được đào tạo chuyên khoa sư phạm tiểu học.

Theo truyền thống, dạy học chưa được coi là một công nghệ nhưng là nghề đã được thể hiện như một công nghệ theo ba tiêu chí nêu trên, theo đó cũng có thể hiểu là công nghệ dạy học, công nghệ này hướng chủ yếu vào GV – đó là công nghệ dạy học theo 5 bước lên lớp với logic hình thức khá chặt chẽ, đó là các bước lên lớp: ổn định tổ chức; kiểm tra bài cũ; giảng bài mới; củng cố bài; ra bài tập về nhà.

Trong quá trình đổi mới hiện nay, việc dạy học được hướng chủ yếu vào HS, coi HS là nhân vật trung tâm. Việc GV tổ chức cho HS học tập với những điều kiện cần thiết có thể coi là công nghệ dạy học mới và có thể hình dung qua bảng 1.

Công nghệ dạy học 5 bước lên lớp chủ yếu thuận theo logic hình thức. Trong quá trình đó, HS luôn ở thế thụ động lệ thuộc vào GV theo kiểu “thầy đọc – trò chép”, “thầy giảng – trò ghi nhớ”. Công nghệ dạy học mới theo logic biện chứng, tập trung vào bản chất của quá trình dạy và học đạt tới mục tiêu của từng đơn vị nội dung cụ thể với từng thời gian sư phạm và cả quá trình (học kì và cả năm học, cấp học).

Dù là phương pháp cũ hay phương pháp cải tiến, phương pháp đổi mới, thì dạy học cũng là một nghề chuyên biệt có nội dung chuẩn mực, có phương pháp và kĩ thuật thực hiện, có đầu vào và đầu ra được xác định và được kiểm soát. Đó là công nghệ dạy học, nhưng là công nghệ khác với các công nghệ của các ngành nghề khác, khác với các công nghệ sản xuất khác. Điểm khác biệt đó thể hiện ở sản phẩm của công nghệ. Nếu như các công nghệ khác ở đầu ra đều là những sản phẩm như nhau (hoàn toàn giống nhau), nếu có lỗi mà có sản phẩm nào đó không giống như mẫu thì sản phẩm đó bị loại (vì đó là phế phẩm), còn trong công nghệ dạy học thì kết quả đầu ra là HS. Những HS này là những cá nhân độc nhất vô nhị, những nhân cách như mục tiêu giáo dục hướng tới – tối thiểu đạt chuẩn, hay hạn dưới là chuẩn còn sự phát triển vượt trên chuẩn thì không hạn chế đối với mọi HS. Như vậy, theo công nghệ dạy học thì HS của từng lớp không phát triển đồng đều, đơn điệu như nhau mà là điều kiện để phát huy khả năng, sở trường riêng của mỗi HS nhưng có bảo hiểm an toàn “van an toàn” là chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học, là những yêu cầu tối thiểu về các hoạt động, các mặt giáo dục khác.

Bảng 1

Đầu vào (1)	Tiêu chuẩn (2)	Quá trình Q (3)	Tiêu chuẩn (4)	Đầu ra (5)
<ul style="list-style-type: none"> - Con người: + HS. + GV. + Cha mẹ và các nhân vật khác. - Mục tiêu GD: Chuẩn → Chương trình → SGK. - Cơ sở vật chất - thiết bị. - Các điều kiện khác. 	Chuẩn đầu vào.	Thầy tổ chức – Trò hoạt động (Thầy thiết kế – Trò thi công).	Chuẩn đầu ra.	Sản phẩm giáo dục = Mục tiêu giáo dục cụ thể được hiện thực hoá ở từng HS.

2. Các yếu tố của công nghệ dạy học

* Các yếu tố đầu vào (cột 1 trong bảng 1):

– Yếu tố thứ nhất gồm:

+ HS: là nhân vật trung tâm, là chủ thể giáo dục, tự biến đổi chính bản thân mình theo hướng phát triển trong quá trình học tập và thực hiện các hoạt động giáo dục. Tuy còn có ý kiến khác nhau về vị trí của HS trong trường học nhưng dù quan niệm có khác nhau thì HS vẫn là mục tiêu giáo dục, là lẽ tồn tại, lẽ sống của GV, của nhà trường.

+ GV là người tổ chức, giảng dạy, hướng dẫn HS thực hiện hoạt động học, cụ thể hơn là học – hành và thực hiện các hoạt động giáo dục khác. GV là người giữ vị trí then chốt, người quyết định sự thành bại của giáo dục (quyết định chất lượng giáo dục). Vai trò, vị trí của GV không hề bị coi nhẹ mà được nhận diện đúng giá trị đích thực – giá trị người thầy.

+ Ngoài HS và GV tuy không tham gia trực tiếp vào quá trình dạy và học nhưng có tác động không nhỏ đến quá trình dạy và học ở nhà trường, quá trình giáo dục HS ở nhà trường, gia đình và ngoài xã hội, đó là các bậc cha mẹ, các nhà quản lý giáo dục, quản lý xã hội, các doanh nhân, các thành viên của các tổ chức đoàn thể và các hội...

– Yếu tố thứ hai: Mục tiêu giáo dục được cụ thể hoá cho từng môn học, lớp học và cả cấp học. Mục tiêu này được định hình ở chuẩn kiến thức và kỹ năng các môn học, yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục sau đó được sự phạm hoá dưới dạng SGK và các tài liệu học tập.

– Yếu tố thứ ba: Cơ sở vật chất – thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục khác.

– Yếu tố thứ tư: Các điều kiện khác phục vụ cho các hoạt động thực hiện mục tiêu giáo dục, như môi trường giáo dục và các điều kiện khác.

* Trong các yếu tố đầu vào, có những yếu tố tham gia trực tiếp, có yếu tố tham gia gián tiếp vào quá trình dạy học và đều được xem xét theo các chuẩn mực nhất định – qua bộ lọc tạo nên bởi các tiêu chí cụ thể (cột 2 trong bảng 1).

Trong hoàn cảnh hiện nay, các yếu tố đầu vào của các trường, các lớp không được đồng đều theo chuẩn mực nhất định, như trình độ HS khác nhau,

cơ sở vật chất – thiết bị khác nhau, môi trường giáo dục khác nhau và cả đội ngũ GV của các trường cũng chưa đồng đều về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Trong các yếu tố đầu vào thì yếu tố GV và HS, yếu tố về mục tiêu, chương trình và tài liệu là yếu tố tuy không thay đổi được nhiều nhưng có thể có các biện pháp tác động, sử dụng thích hợp, ví dụ như:

- Có thể đề ra biện pháp quản lí thích hợp nhằm phát huy được nội lực, bồi dưỡng.
- Có thể tiến hành bồi dưỡng GV, nghiên cứu chương trình tài liệu, tìm hiểu tâm sinh lí và điều kiện của HS để tiến hành giảng dạy thích hợp, có hiệu quả.
- Hướng dẫn HS về phương pháp học tập trên lớp và tự học để nâng cao chất lượng học tập của các em.
- ...

Vì vậy, việc dạy học của mỗi GV cần có sự vận dụng thích hợp các yếu tố đầu vào theo phương châm “Tất cả vì HS thân yêu”. Đó cũng chính là đổi mới phương pháp dạy học.

* Quá trình dạy và học:

- GV giảng giải, hướng dẫn, minh họa: Tùy theo mục tiêu cụ thể, nội dung bài học mà GV, khi cần thiết thì giảng giải, trong điều kiện và nội dung thích hợp thì tổ chức hướng dẫn HS thực hành thí nghiệm theo nhóm, cũng có khi cho HS thực hiện tiết học theo cách nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.
- HS theo dõi, ghi chép, thảo luận và làm việc theo nhóm (thực hành, thí nghiệm) theo sự hướng dẫn của GV. Điều quan trọng là mỗi HS đều tích cực tham gia vào quá trình lĩnh hội kiến thức và kĩ năng qua từng tiết học, bài học đồng thời hình thành cho mình những nét tâm lí mới và những phẩm chất của nhân cách.

Nhìn chung, hiện nay HS từ cấp THCS trở lên chưa có kĩ năng cần thiết về nghe và ghi chép nhanh những điều cần thiết phục vụ cho việc học tập về từng nội dung cụ thể. Việc tập luyện cho HS tự ghi chép bài học là việc làm có tính sư phạm cao, trước hết thuộc về sự hướng dẫn của GV và tính sư phạm trong việc giảng dạy của GV.

Đã từ lâu trong nhà trường có quan niệm và cách ứng xử khá phổ biến, đó là “Chỉ đạo, quản lí, đánh giá thi cử như thế nào thì dạy như thế” và “thầy dạy như thế nào thì trò học như thế”. Nói về dạy và học cũng là nói đến kiểm tra đánh giá và thi cử. Một nền học vấn như thế vẫn còn chịu ảnh hưởng nhiều bởi quan điểm “ứng thí”.

- Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS luôn tác động mạnh đến hoạt động học của HS nên trong quá trình giảng dạy và kiểm tra, đánh giá HS thì GV nên nghiên cứu kĩ và có câu trả lời tường minh cho các câu hỏi sau:
 - + HS học môn học cụ thể mà mình dạy để làm gì (vị trí của môn học trong mục tiêu giáo dục cụ thể).
 - + Qua môn học cụ thể đó HS cần lĩnh hội được điều gì về kiến thức, kĩ năng và thái độ, trong đó điều gì HS cần phải ghi nhớ (không nhiều) điều gì cần hiểu, kĩ năng cần hình thành và thái độ cần có đối với môn học.
 - + Bằng phương pháp nào để lĩnh hội các nội dung cơ bản, tối thiểu đã xác định, đáp ứng chuẩn quy định.

Nhiều nhà chuyên môn đã nghiên cứu và phát hiện được điều rất đáng quan tâm: Những người thành đạt trong nghề (các ngành nghề khác nhau) thường trong quá trình lao động, đối với họ, những kiến thức học trong nhà trường chỉ vận dụng và có tác dụng trực tiếp khoảng 15%, còn khoảng 85% là những kiến thức và kĩ năng học tập rèn luyện bằng con đường tự học trong quá trình chuẩn bị vào nghề và chính trong quá trình hành nghề (trong đó những “kĩ năng mềm” là yếu tố rất quan trọng).

- * Xu hướng dạy học hiện nay mà GV và các nhà trường quan tâm là quá trình tổ chức cho HS thực hiện hoạt động học – dạy học hướng phát huy tính tích cực của HS, điều mà từ khi Bác Hồ phát động phong trào thi đua “Hai tốt” (năm học 1961 – 1962) nhà giáo thường thực hiện theo phương châm “Tất cả vì học sinh thân yêu”.

Phương pháp dạy học hiện nay có thể khái quát là “Thầy tổ chức – Trò hoạt động”, cũng có thể quan niệm là “Thầy thiết kế – Trò thi công”. Theo phương pháp này, GV trong quá trình giảng dạy hướng dẫn HS học tập luôn chú ý đến tính tích cực hoạt động và lợi ích của HS (mục tiêu

học tập cụ thể); các em HS được tham gia tìm hiểu thu nhận kiến thức cơ bản, hình thành kĩ năng và lĩnh hội phương pháp học tập, phương pháp tự học ở cấp độ HS THCS, cấp độ phổ cập.

ĐÁNH GIÁ

Bạn hãy chia sẻ với đồng nghiệp để thực hiện một số yêu cầu sau:

- 1) Làm rõ bản chất của nghề dạy học ở THCS.
- 2) Thực hành giảng dạy theo công nghệ dạy học (đổi mới phương pháp) từ thiết kế bài đến trực tiếp thực hiện, ít nhất 1 – 2 tiết dạy.
- 3) Đề xuất biện pháp đổi mới đánh giá kết quả học tập của HS.
- 4) Phân tích để thấy rõ tính khoa học và tính xã hội của chính sách xã hội, chế độ của Nhà nước đối với GV.

Hoạt động 3: Tìm hiểu điều kiện dạy và học ở trường trung học cơ sở

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm thực tiễn trong công tác dạy học và GD HS THCS, bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình để làm rõ những điều kiện dạy và học đạt hiệu quả ở THCS theo những gợi ý sau:

- * Yếu tố con người:

* **Yếu tố mục tiêu GD:**

* **Yếu tố cơ sở vật chất – thiết bị:**

* **Yếu tố khác:**

* **Mô hình trường THCS:**

- * Vấn đề bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS kém.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Về các yếu tố đầu vào trong công nghệ dạy học

Điều kiện cần cho hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS, đảm bảo sự thành công của giáo dục chính là các yếu tố đầu vào với những tiêu chuẩn cụ thể trong công nghệ dạy học được thể hiện ở bảng 1. Dù tham gia trực tiếp hay gián tiếp thì tất cả các yếu tố đó cũng đều có vai trò và ý nghĩa nhất định như là điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học. Các yếu tố đó là:

a. Về yếu tố con người

- HS – nhân vật trung tâm của nhà trường, của mọi hoạt động giáo dục và khi chuyển từ tiểu học lên học lớp 6, lớp đầu tiên của cấp THCS thì mọi HS, ít nhất phải đạt trình độ tối thiểu theo chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học (trình độ phổ cập bắt buộc cấp Tiểu học). Từ cuối những năm 90 của thế kỉ trước, trong ngành Giáo dục và cả xã hội đã dần dần tạo được sự đồng thuận về quan điểm coi HS là nhân vật trung tâm của nhà trường, cũng như từ khi có phong trào thi đua Hai tốt – “Dạy tốt – Học tốt” (từ năm học 1961 – 1962) trong GV có khẩu hiệu “Tất cả vì HS thân yêu”. Quan điểm này có thể hiểu như sau:

HS là nhân vật trung tâm của nhà trường vì HS là mục tiêu giáo dục (mục tiêu khái quát được ghi trong Luật Giáo dục). Nhà trường là đơn vị cơ sở thực hiện nhiệm vụ giáo dục HS theo mục tiêu giáo dục. GV là người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ giáo dục HS, người giữ vị trí then chốt và có vai trò có tính quyết định chất lượng giáo dục, quyết định sự thành bại của giáo dục.

HS như là yếu tố đầu vào, nhân vật số một của nhà trường, đầu năm học, nhà trường nên tiến hành khảo sát trình độ của HS lớp 6 của trường, ít nhất là hai môn: Tiếng Việt và Toán. Kết quả khảo sát là tài liệu tham khảo để GV và nhà trường có cứ liệu về yếu tố đầu vào và chỉ là thông tin dành cho GV trực tiếp dạy và ban giám hiệu, tuyệt đối không nên công bố cho HS và các bậc cha mẹ HS biết những thông tin đó.

Các lớp khác cũng nên có sự khảo sát chất lượng và sự bàn giao giữa GV dạy năm cũ và GV mới tiếp nhận HS mới lên lớp để GV mới có sự hiểu biết cần thiết về HS mới của mình.

- GV tuy không còn là nhân vật trung tâm theo quan niệm cũ với công nghệ dạy học 5 bước lên lớp, nhưng vẫn là người giữ vị trí then chốt và có vai trò quan trọng có tính quyết định chất lượng giáo dục (chất lượng dạy và học). Để thực hiện được sứ mệnh đặc trưng nghề dạy học (trồng người) của mình, GV cho dù dạy môn nào hoặc được phân công làm việc gì cũng là người đại diện của nhà trường đến với HS bằng cả nhân cách của mình.

Khác với GV tiểu học, GV THCS đến với HS không đơn tuyến, không là người chịu trách nhiệm đầy đủ (toàn quyền) trong việc giáo dục HS theo mục tiêu giáo dục đã xác định, mà cần một tập thể (nhóm) những GV dạy các môn học khác nhau ở cùng một lớp. Họ cần có sự thống nhất và phối hợp trong giảng dạy, giáo dục HS.

Để hoàn thành được sứ mệnh của mình, GV luôn phải học tập, tu dưỡng để có phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và giáo dục HS theo tinh thần đổi mới.

- Các bậc cha mẹ là nhân vật thứ ba trong công nghệ dạy học. Tuy họ không trực tiếp tham gia vào quá trình dạy và học của GV và HS ở trường lớp, nhưng họ có tác động nâng cao chất lượng giáo dục con em bằng những việc làm cụ thể, như tạo điều kiện cho con em học tập, tạo sự đồng thuận với nhà trường về quan điểm và PPGD con em, xây dựng môi trường giáo dục gia đình lành mạnh...
- Các lực lượng khác: Việc thực hiện mục tiêu giáo dục sẽ khó thành công nếu như không huy động được nguồn lực từ các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức kinh tế (các cơ sở sản xuất, kinh doanh...) và toàn xã hội theo định hướng xã hội hoá giáo dục.

Bản chất của xã hội hoá giáo dục là làm cho sự nghiệp giáo dục là của mọi người, làm cho mỗi người dân dù ở cương vị nào, làm việc gì, sống ở đâu trên đất nước Việt Nam đều ý thức được quyền được hưởng thụ giáo dục, ý thức được lợi ích của mình từ giáo dục, đồng thời cũng thấy được nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc xây dựng phát triển giáo dục trong phạm vi giới hạn cụ thể mà mình có và có thể có. Việc chung nhất mà ai cũng có thể làm là bằng hành vi, lối sống cụ thể của mình, góp phần xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, trong đó có nhà trường.

b. Mục tiêu giáo dục cụ thể

Mục tiêu này được hiện hình rõ ở chuẩn kiến thức và kỹ năng các môn học, ở những yêu cầu tối thiểu và các hoạt động giáo dục, đồng thời được sự phạm hoá thành tài liệu học tập dành cho HS dưới dạng SGK và các tài liệu học tập khác.

Trong dạy học, mục tiêu cụ thể (chuẩn, chương trình học) là những quy định có tính pháp quy. Tất cả các trường và mọi GV đều phải tuân theo. Sách giáo khoa và các tài liệu khác, đặc biệt tài liệu tham khảo là những tài liệu được sử dụng hàng ngày nhưng GV có thể vận dụng sáng tạo và có sự điều chỉnh nhỏ nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả trong những hoàn cảnh cụ thể của trường mình, lớp mình phụ trách.

Mục tiêu giáo dục do Nhà nước quy định chung cho mọi HS ở tất cả các địa phương trong cả nước, theo đó là các chuẩn mực và chương trình học. Đó là những quy định có tính pháp quy, GV không được thay đổi theo “sáng kiến” của riêng mình. Tuy nhiên, trong quá trình dạy học, mỗi GV vẫn có hành lang có thể thoả mãn nhu cầu chủ động, sáng tạo trong dạy học bằng một số biện pháp cụ thể:

- Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý và hoàn cảnh của từng HS để có tác động sự phạm thích hợp.
- Nghiên cứu để hiểu thấu đáo về chuẩn kiến thức và kỹ năng môn học mình giảng dạy, nghiên cứu nắm vững những yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục và các chuẩn mực hành vi đạo đức lối sống dành cho HS.
- Tìm hiểu về thiết bị dạy học mà nhà trường có để sử dụng và có kế hoạch làm đồ dùng dạy học; hướng dẫn HS cùng làm và chuẩn bị điều kiện để thực hành, thực nghiệm.

Những việc nêu trên đều nằm trong tầm nhìn và các điều kiện mà GV, nhà trường có thể có. Từ xa xưa trong giáo giới đã truyền tụng cho nhau câu: “Chuẩn bị tốt là thành công một nửa”. Nghề dạy học là nghề

đậm tính khoa học, công nghệ và tính tế nên người đời thường nói là nghề có tính nghệ thuật.

c. Cơ sở vật chất – thiết bị

Đây là điều kiện không thể thiếu trong hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, trong điều kiện của nước ta hiện nay vẫn còn có sự khác biệt nhiều giữa các trường. Xây dựng trường chuẩn quốc gia là giải pháp tổng thể nhằm đảm bảo điều kiện cho hoạt động dạy và học, trong đó có tiêu chuẩn về cơ sở vật chất – thiết bị.

Ngoài phòng học, bàn ghế, bảng và một số điều kiện khác, ở cấp THCS không thể thiếu thư viện, thiết bị, phòng thí nghiệm và những điều kiện thực hành khác. Những phương tiện dạy và học này được mua sắm và tự tạo dần cùng với quá trình phát triển của nhà trường. Cơ sở vật chất thiết bị của nhà trường cần được sử dụng, bảo quản tốt, được hoàn thiện từng bước.

Cơ sở vật chất – thiết bị tuy đã được cải thiện nhiều nhưng còn có sự cách biệt khá lớn giữa trường đạt chuẩn quốc gia và những trường còn nhiều khó khăn, nhất là ở những trường vùng sâu, vùng xa. Điều này cũng có ảnh hưởng lớn đến hoạt động dạy và học, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. Tuy cũng có những thiết bị dạy học khá tốt cung cấp đến các trường, nhưng cũng có những trường chưa đủ điều kiện để sử dụng những thiết bị đó, nên đòi hỏi GV có sự chuẩn bị để có phương án thay thế.

d. Các điều kiện khác

Ngoài những yếu tố nêu trên còn một yếu tố khác cũng không kém phần quan trọng, đó là tài chính (cần một khoản kinh phí nhất định để mua các vật thí nghiệm hoặc tổ chức thực hành, đi thực tế...). Môi trường giáo dục cũng ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến hoạt động dạy và học. Trong trường học, lớp học cần có khung cảnh sư phạm, cần có ba môi trường giáo dục lành mạnh: nhà trường, gia đình và xã hội.

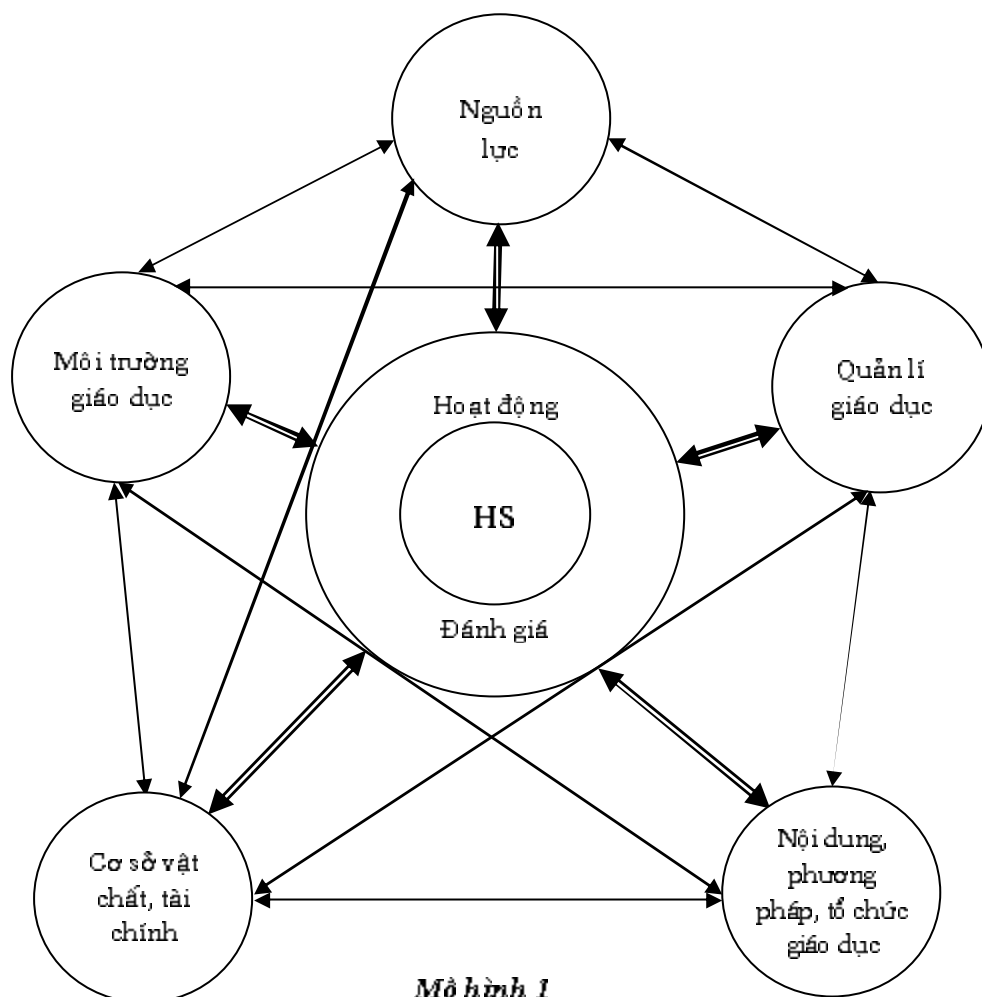
2. Mô hình trường trung học cơ sở

Thời xưa trường học được quan niệm rất giản đơn, có thầy, có trò có nơi che mưa che nắng, có bảng đen và bàn ghế, như thế gọi là trường học.

Trường chuẩn quốc gia là mô hình nhà trường ở trình độ phát triển mới, từ mô hình trường chuẩn đang xây dựng ta có thể hình dung và diễn đạt theo cách khác như ở mô hình 1.

Trong mô hình 1 có 8 yếu tố có mối quan hệ hữu cơ với nhau:

- Yếu tố số 1 là HS – nhân vật trung tâm, là mục tiêu giáo dục.
- Yếu tố thứ 2 là các hoạt động giáo dục, cả hoạt động chính khoá và hoạt động ngoại khoá, sinh hoạt đoàn thể, hoạt động xã hội.
- Yếu tố thứ 3 là hoạt động kiểm định và đánh giá giáo dục.
- Yếu tố thứ 4 là các nguồn lực cả về nhân lực, vật lực và tài lực. Nguồn lực giáo dục trước hết là HS và GV. Các nguồn lực khác từ Nhà nước và từ xã hội hoá.
- Yếu tố thứ 5 là tổ chức và quản lý giáo dục, trước hết là nhân lực quản lý, cơ chế quản lý.
- Yếu tố thứ 6 là nội dung và phương pháp dạy học.
- Yếu tố thứ 7 là cơ sở vật chất – thiết bị.



Mô hình 1

Các yếu tố trong mô hình nhà trường không xếp theo thứ tự về tầm quan trọng mà chỉ là sự sắp xếp các thành tố theo các mối quan hệ hướng vào HS và tạo lập một nhà trường lành mạnh.

Trong các hoạt động giáo dục (yếu tố 2) bao gồm cả các hoạt động giáo dục và hoạt động học tập của HS và hoạt động giảng dạy của GV. Dạy học và giáo dục là những hoạt động không đơn tuyến, không tách biệt nhau mà ở trong nhau: giáo dục HS qua dạy học và đã dạy học thì phải giáo dục HS. Nhà giáo là thầy dạy học chứ không phải là thợ dạy, “Dạy chữ – Dạy người” là vậy. Về mối quan hệ giữa giáo dục và dạy học được hình dung ở mô hình 1.

3. Bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh kém

- * Việc bồi dưỡng HS giỏi và phụ đạo HS kém là biểu hiện của quan điểm dạy học phù hợp với đối tượng HS hay là dạy học phân hoá, mà theo phương pháp truyền thống gọi là “Dạy học vừa sức HS” được hiểu theo nội hàm mới là phù hợp với từng đối tượng HS.

Trên thực tế đã nhiều năm, do việc dạy của GV và kết quả học tập của HS ở nhiều nơi còn thấp, làm cho xã hội chưa an tâm và còn nhiều lí do khác nữa nên đã dẫn đến tình trạng “dạy thêm học thêm tràn lan tiêu cực”. Ngành Giáo dục đã phải đưa ra các biện pháp tình thế để khắc phục nhưng hiện tượng dạy thêm, học thêm vẫn không hạn chế được như mong muốn, do ngay trong một số biện pháp đó còn có những điểm bất hợp lí. Ví dụ như:

- Việc quy định cho GV chỉ được bồi dưỡng HS giỏi và phụ đạo HS kém, nhưng số HS thuộc hai loại này thường ít và thường có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực (tiến bộ) hoặc sa sút (kém đi) nên sự phân định chỉ là tương đối.

Đa số HS trong lớp thường thuộc loại học lực trung bình, các em có nhu cầu chính đáng là vươn lên học khá, học giỏi và cần học thêm để thoả mãn nhu cầu chính đáng đó. Vậy mà trong quy định lại không cho phép những HS được học thêm, như vậy là không tính đến nhu cầu chính đáng.

- GV không được dạy thêm cho HS của lớp mình phụ trách. Đó là quy định có dụng ý tốt nhằm hạn chế tiêu cực của GV trong quá trình dạy chính

khoá (các tiết dạy chính thức trên lớp), bằng cách dạy không đầy đủ nội dung quy định còn để lại “ấn số” nào đó khiến HS phải học thêm thì mới đạt được yêu cầu khi làm bài kiểm tra.

Tuy nhiên, điều này cũng là cách đối phó làm giảm đi tính sư phạm, tính tối ưu trong dạy học. Vì trong quá trình giảng dạy, GV biết được điểm mạnh, điểm yếu của từng HS nên họ biết được các hình thức tác động (bồi dưỡng kèm cặp) để mỗi HS phát huy được điểm mạnh, khắc phục được điểm yếu. Thêm nữa, nếu không tự giác thực hiện thì GV vẫn có thể đối phó bằng cách đối HS cho nhau để dạy và việc dạy thêm vẫn cứ diễn ra mà không phát huy được tính tối ưu sư phạm.

- * Quản lí dạy thêm, học thêm: Trước hết và điểm cơ bản nhất vẫn là quản lí hoạt động dạy và học chính khoá theo chuẩn kiến thức và kĩ năng được thể hiện ở chương trình, SGK và một số tài liệu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học thêm là nhu cầu chính đáng của HS, luôn diễn ra ở mọi nơi, mọi thời kì, phù hợp với chủ trương hình thành “Xã hội học tập” và “Học suốt đời”. Thực tế ở các trường học thường diễn ra hai loại: dạy thêm, học thêm chân chính và dạy thêm, học thêm tràn lan tiêu cực.

Việc học thêm chân chính thể hiện nhu cầu về sự tiến bộ trong học tập, nhu cầu đạt kết quả học tập cao hơn của các đối tượng HS. Để thoả mãn nhu cầu này, các em tự giác thu xếp thời gian, tranh thủ điều kiện mình có để tìm cơ hội học thêm và có được sự quan tâm dạy thêm với thời lượng thích hợp, phương pháp thích hợp với từng đối tượng HS theo kiểu “dạy bổ trợ”. Việc dạy thêm chân chính của GV thể hiện ở sự quan tâm trợ giúp các đối tượng HS theo từng trình độ để em nào cũng có thể duy trì và nâng cao kết quả học tập theo khả năng và điều kiện của mỗi em. Việc dạy thêm, học thêm chân chính có điểm xuất phát từ nhu cầu của HS và vì lợi ích của HS, phù hợp với hoạt động dạy và học, đồng thời có sự kiểm soát của nhà trường.

Để khắc phục tình trạng dạy thêm học thêm tràn lan, tiêu cực hướng tới dạy và học tích cực cần có biện pháp quản lí thích hợp vừa đáp ứng nhu cầu học tập của HS và các gia đình, vừa hạn chế những tiêu cực phát sinh từ việc dạy và học đó. Trước mắt nên thực hiện một số việc cụ thể sau:

- Tường minh hoá chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học, công bố rộng rãi đến từng trường và HS.
- Xử lí tiếp để đạt mức độ hợp lí và hoàn thiện tài liệu hướng dẫn giảm tải nội dung chương trình học.
- Đổi mới quản lí hoạt động dạy và học, quản lí nhà trường theo hướng tinh giản, thiết thực (bớt đi những quy định có tính hình thức).

Từng trường quản lí chặt chẽ lao động sư phạm của GV theo tinh thần “Dạy tốt – Học tốt”.

- Tăng cường điều kiện dạy và học trong khả năng có thể.

Chương trình giảm tải còn tiếp tục thực hiện đến sau năm 2015 nên cần được quan tâm đúng mức và đầu tư để thực hiện tốt, chắc chắn sẽ tạo lập được sự ổn định ở mỗi trường và chất lượng giáo dục cũng sẽ được cải thiện.

- * Nghề dạy học và thâm niên sư phạm:

Dạy học ở THCS là một nghề – nghề sư phạm – nghề sở hữu công nghệ dạy học. Từ xa xưa, người đời quan niệm “Thầy giáo già” với ý nghĩa người thầy dạy học càng có thâm niên càng tinh thông nghề, càng có uy tín đối với xã hội. Nghề sư phạm vào giai đoạn cuối những năm 80 đầu những năm 90 của thế kỉ XX đã được Nhà nước cho được hưởng thâm niên. Sau năm 1993, do nhiều lí do nên chế độ này không còn nữa. Năm 2011, Nhà nước ta đã xác lập lại thâm niên sư phạm cho GV các cấp.

Nghề giáo được hưởng chế độ thâm niên là hợp lí, bởi lẽ:

- GV dạy càng nhiều năm thì khả năng nghiên cứu, tìm hiểu về con người nói chung và HS nói riêng (hiểu HS) càng chuyên sâu hơn.
- GV dạy học càng nhiều năm càng có điều kiện học tập, nghiên cứu để hiểu sâu rộng, nắm vững nội dung chương trình học của HS (nâng cao trình độ chuyên môn).
- GV dạy càng nhiều năm càng vận dụng phương pháp dạy học và biết sử dụng phương tiện dạy học và đổi mới phương pháp dạy học (nâng cao trình độ chuyên môn).
- GV dạy học càng nhiều năm càng có nhu cầu và điều kiện học tập tu dưỡng nâng cao trình độ văn hoá (theo nghĩa rộng), càng có kinh nghiệm

và biết ứng xử có văn hoá với HS, các bậc cha mẹ và những người có liên quan (biết đối nhân xử thế).

Nhìn chung, theo sự vận động có tính quy luật thể hiện ở những đặc điểm vừa nêu thì GV dạy học càng nhiều năm thì nhân cách (phẩm chất và năng lực) càng được hoàn thiện, đảm bảo để hoàn thành tốt nhiệm vụ nhà giáo, đảm bảo sự thành công của giáo dục, đảm bảo chất lượng học tập của HS, lợi ích của mỗi HS, của mỗi gia đình và toàn xã hội. Nhà giáo được nhận thâm niên là thể hiện sự đánh giá thoả đáng và sự trân trọng của xã hội đối với lao động sư phạm, đồng thời cũng là để nhắc nhở lương tâm, trách nhiệm xã hội của GV trong sự nghiệp trồng người.

ĐÁNH GIÁ

Bạn hãy chia sẻ với đồng nghiệp để thực hiện một số yêu cầu sau:

- 1) Tự khảo sát đánh giá thực trạng cơ sở – vật chất thiết bị của trường mình.
- 2) Đề xuất biện pháp khả thi xây dựng cơ sở vật chất – thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học.
- 3) Phân tích về mô hình trường học.
- 4) Trình bày quan điểm của bạn về bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS kém và vấn đề dạy, học thêm.

Hoạt động 4: Tìm hiểu việc giảm tải nội dung chương trình học dành cho học sinh trung học cơ sở

Dựa vào kinh nghiệm triển khai chương trình GD THCS, bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình về:

- * Sự cần thiết phải giảm tải:

* **Quản lý giảng dạy theo tinh thần giảm tải:**

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết ra với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Sự cần thiết phải giảm tải

Sau khi triển khai thực chương trình và sách giáo khoa đổi mới, năm học 2004 – 2005, từ thực tiễn dạy và học ở các trường bộc lộ những điểm bất hợp lý, đã gây quá tải đối với nhiều HS. Nội dung chương trình học tập dành cho HS là một trong những vấn đề gây bức xúc xã hội. Tiếp tục thực hiện giảm tải nội dung học tập dành cho HS trong năm học 2011 – 2012 và một số năm kế tiếp là cần thiết và phù hợp, có thể nói theo cách của người xưa là “Thiên thời – địa lợi – nhân hòa”.

* **Yêu cầu giảm tải:**

Về bản chất, nội dung chương trình học dành cho HS THCS không phải là quá cao nhưng có những điểm bất hợp lí chưa thật thiết thực mà lại thực hiện trong điều kiện còn nhiều khó khăn nên đã quá tải đối với HS cấp học phổ cập, đặc biệt là HS vùng sâu vùng xa.

Sau khi triển khai thay sách giáo khoa (SGK) được vài ba năm, trước tình trạng nêu trên, trong một Nghị quyết 9 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã có điểm khẳng định: “Kiên quyết giảm hợp lí nội dung chương trình học cho phù hợp tâm sinh lí của HS cấp Tiểu học và THCS”. Ngay sau đó ngành Giáo dục đã có chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đảng nhưng vì những lí do khác nhau nên công việc giảm tải những năm cuối của thập niên đầu thế kỉ XXI vẫn chưa được thoả đáng. Vào năm học 2011 – 2012, Bộ lại có chủ trương và hướng dẫn cụ thể về giảm tải nội dung chương trình học dành cho HS phổ thông trong đó có HS cấp THCS. Đây là chủ trương đúng, cần được thực hiện cẩn trọng, nghiêm túc. Những nội dung giảm tải theo chỉ đạo của Vụ Giáo dục Trung học hướng vào những nội dung sau:

- Những nội dung trùng lặp ở các môn học.
- Những nội dung không thiết thực.
- Những nội dung không phù hợp với trình độ của HS và chưa có điều kiện thực hiện.

Điều đáng chú ý là Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho GV quyền tự chủ hơn để có thể vận dụng thích hợp với điều kiện cụ thể của trường mình nhằm đạt được mục tiêu, đảm bảo theo chuẩn kiến thức và kĩ năng môn học.

* **Thực hiện giảm tải:**

Thực hiện giảm tải nội dung chương trình học dành cho HS là một quá trình và phải đảm bảo năm học sau tốt hơn năm học trước, nghĩa là chất lượng và hiệu quả dạy và học năm sau cao hơn năm trước để trong vài ba năm đạt độ ổn định, lành mạnh, tạo tiền đề thuận lợi cho công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện sau năm 2015.

Trong quá trình này, GV cần chú ý một số việc chính sau:

- Nghiên cứu kĩ, nắm vững chuẩn kiến thức và kĩ năng môn học đối chiếu với các nội dung giảm tải để tự tin khi thực hiện.
- Nghiên cứu SGK để hướng dẫn HS sử dụng cho dễ dàng, thích hợp.
- Chuẩn bị kĩ bài dạy theo tinh thần tinh giản nội dung và đổi mới phương pháp giảng dạy.

Thực hiện giảm tải cũng chính là thực hiện “Dạy tốt – Học tốt” nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục theo mục tiêu cụ thể của từng môn học, từng lớp học và cả cấp học.

- Nếu xử lí tốt chương trình giảm tải thì nội dung chương trình học của HS vẫn đảm bảo được 3 nguyên tắc cơ bản, đó là:
 - + Nguyên tắc phát triển – theo nguyên tắc này, sẽ đảm bảo được lôgic phát triển của chính môn học, đồng thời cũng thuận theo quy luật phát triển tâm lí của HS.
 - + Nguyên tắc chuẩn mực – theo nguyên tắc này thì nội dung chương trình học giảm tải được cụ thể hoá ở SGK vẫn có thể đảm bảo được các chuẩn mực cơ bản pháp lí (chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học) đồng thời phù hợp với tâm sinh lí HS.
 - + Nguyên tắc tối ưu – theo nguyên tắc này thì nội dung chương trình được cụ thể hoá trong SGK cần tinh giản, dung lượng thích hợp (giảm thiểu đến mức cần thiết), đồng thời phù hợp với điều kiện và cuộc sống của HS.

Việc thực hiện giảm tải nội dung chương trình học không thể chỉ làm trong năm học 2011 – 2012 là coi như đã xong mà cần xử lí tiếp trong một hai năm học tới sau.

2. Quản lí giảng dạy theo tinh thần giảm tải

Giảm tải trên lí thuyết qua bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo mới chỉ là điều cần có chứ chưa đủ mà còn cần sự quản lí của cả hệ thống, trước hết là ở từng trường, đồng thời cần tuyên truyền phổ biến cho các bậc cha mẹ và những người quan tâm.

Thực tế quản lí hoạt động dạy và học ở khá nhiều trường cho thấy còn bộc lộ một số điểm bất cập, ví dụ như:

- Thiên về kiểu quản lí hành chính, hình thức: chú trọng hồ sơ sổ sách, giáo án (mọi GV đều phải có giáo án mới theo quy định mà không tạo điều kiện cho GV kế thừa giáo án cũ).
- Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV còn hình thức chưa kết hợp thoả đáng với kết quả học tập của HS.
- Hoạt động của tổ chuyên môn chưa được thường xuyên, chưa đi sâu vào những vấn đề trọng tâm, cơ bản.
- Chưa có cơ chế thích hợp và chưa tạo được điều kiện để phát huy nội lực, để GV tự chịu trách nhiệm và sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

ĐÁNH GIÁ

Bạn hãy chia sẻ với đồng nghiệp để thực hiện một số yêu cầu sau:

- 1) Làm rõ chủ trương giám tải, yêu cầu giám tải.
- 2) Đề xuất biện pháp thực hiện giám tải đối với GV.
- 3) Đề xuất biện pháp quản lí hoạt động giảng dạy của GV theo quy định giám tải.

Hoạt động 5: Tìm hiểu sự phát triển tâm lí học sinh trung học cơ sở trong sự phụ thuộc vào hoạt động học

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm dạy học ở THCS, bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình để thực hiện một số yêu cầu sau:

- * Trình bày quy luật chung về sự phát triển tâm lí HS:

* Nêu mối quan hệ giữa sự phát triển tâm lí với hoạt động dạy và hoạt động học:

* Trình bày mối quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ HS:

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết ra với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Quy luật chung của sự phát triển tâm lí học sinh

Nhiều nhà tâm lí học đã thống nhất về sự phát triển tâm lí của HS có tính quy luật, theo đó được bộc lộ ra ở HS qua các biểu hiện:

- Tính không đồng đều về sự phát triển tâm lí của các chủ thể HS (các cá nhân).
- Tính toàn vẹn của tâm lí trong mỗi chủ thể HS (trong mỗi HS tồn tại những nét tâm lí phổ biến có tính quy luật nhưng cũng có những nét tâm lí riêng biệt, những nét cá tính).
- Tính thuần nhất, thống nhất, ổn định và bền vững (quy luật nhất thể hoá).
- Tính mềm dẻo và khả năng bù trừ, theo đó tâm lí của HS có thể thay đổi theo hướng chịu ảnh hưởng của những tác động tích cực hoặc những tác động tiêu cực. Ở một HS, nếu bị khuyết tật về điểm này thì vẫn có khả năng phát triển hơn ở điểm khác.

Những điểm có tính quy luật này rất có ý nghĩa sư phạm nên GV cần hiểu rõ và có sự ứng xử thích hợp đối với mỗi HS theo hướng dạy học theo quan điểm phân hoá.

2. Sự phát triển tâm lí học sinh có mối quan hệ biện chứng với hoạt động dạy và hoạt động học

- Theo công nghệ dạy học cũ, coi GV là nhân vật trung tâm (theo 5 bước lên lớp): Định hướng chủ yếu của kiểu dạy học này là “ứng thí” – đối phó với kiểm tra, thi cử được thể hiện ra ở điểm số, thứ bậc được định lượng theo đáp án của các câu hỏi, đáp số các bài toán, điều mà HS không được biết trước (thiếu công khai minh bạch về chuẩn mực). Đây chính là kiểu dạy và học mà từ xa xưa đã thành câu nói như là sự phản ánh tính quy luật của sự học, đó là “học tài thi phận”.

Kiểu dạy học này khiến HS phải chăm chỉ học tập, ôn luyện để tích lũy kiến thức, nắm vững kiến thức trong chương trình theo phương pháp thụ động lệ thuộc nhiều vào SGK và GV, vẫn dựa theo phương thức chủ yếu là “học – tập”. Việc học chủ yếu diễn ra trong khuôn khổ nhất định, những điều thu nhận được chủ yếu mang tính lí thuyết.

- Theo công nghệ dạy học mới coi HS là nhân vật trung tâm (thầy tổ chức – trò hoạt động): Kiểu dạy học này đang được GV hướng tới. Đó chính là “Đổi mới phương pháp dạy học”.

Theo cách này HS được chủ động, tích cực thực hiện hoạt động học để lĩnh hội kiến thức, kĩ năng, phương pháp và có thái độ tương thích theo sự tổ chức, hướng dẫn của GV.

Những điều HS học được vừa mang tính lí thuyết vừa mang tính thực tiễn.

Nhờ có phương pháp học tập được hình thành mà HS có thể tiếp tục học tập lên cấp THPT hoặc tự học theo những phương thức khác nhau (học suốt đời) để phát triển khi không có điều kiện tiếp tục học lên cấp THPT (vì cấp THCS có mục tiêu kép: sau THCS có thể học tập tiếp lên THPT và có thể học trung học chuyên nghiệp, học nghề).

Dù hoạt động học của HS được tổ chức thực hiện theo phương pháp nào thì cũng đều hướng tới đảm bảo để mỗi em đều đạt trình độ phổ cập giáo dục, để trở thành người có khả năng sống bình thường trong xã hội hiện đại (tuy nhiên các em vẫn cần sự quan tâm bảo trợ của gia đình và xã hội, vì còn ở lứa tuổi vị thành niên).

Mục tiêu giáo dục toàn diện dành cho HS phổ thông trong đó HS THCS là mục tiêu nhân văn, phù hợp với thời đại nên nội dung, phương pháp, phương thức tổ chức và các điều kiện cần thiết cũng cần tạo lập để thực hiện được tiêu này.

3. Dạy học tạo sự phát triển trí tuệ học sinh

- * Qua lịch sử phát triển giáo dục và thực tiễn dạy học, nhiều nhà chuyên môn nhận ra rằng không phải kiểu dạy học nào cũng tác động đến sự phát triển tâm lí HS như nhau, mà có hai cách tác động đến sự phát triển trí tuệ của HS, đó là:
 - Một là, qua quá trình thu nhận tri thức mà trí tuệ được rèn luyện, phát triển (chưa định hướng rõ vào mục tiêu phát triển trí tuệ với nhân tố đặc trưng là tư duy lôgic hay là tư duy khoa học – tư duy lí luận).
 - Hai là, hướng nhiều hơn vào bản thân sự phát triển, HS phải lĩnh hội nội dung học tập nhất định. Con đường này dẫn đến hình thành tư duy lôgic, trình độ tư duy khoa học (hay là tư duy lí luận), trình độ phát triển đạt cấp độ cao hơn trình độ tư duy của HS tiểu học.
- * Về mối quan hệ giữa dạy học và phát triển trí tuệ, có những quan điểm khác nhau, đáng chú ý là quan điểm cho rằng:
 - Sự phát triển tâm lí HS phụ thuộc vào hoạt động học của các em, phụ thuộc vào tính tích cực của chủ thể HS – nhân vật trung tâm của nhà trường.

- Hoạt động học của HS, theo đó là sự phát triển tâm lí, trước hết là sự xuất hiện và phát triển những hành vi mang tính ý thức, tính có chủ định, tính lí trí, trên cơ sở đó hình thành những phẩm chất tâm lí thuộc về phẩm chất và năng lực của con người.
- Hoạt động học của HS, theo đó là sự phát triển tâm lí phụ thuộc và hoạt động dạy của GV bao gồm nội dung, phương pháp, phương thức tổ chức, các điều kiện.

Chính vì thế mà các cuộc cải cách giáo dục và đổi mới giáo dục ở mọi quốc gia đều chú ý đổi mới chương trình và SGK (nội dung), yếu tố đầu vào được giữ ổn định trong thời gian dài (khoảng 10 – 15 năm), còn phương pháp, phương thức tổ chức và các điều kiện cũng được đổi mới, bổ sung và hoàn thiện theo khả năng thực tế.

Theo Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI, ngành Giáo dục đang chuẩn bị để sau năm 2015 thực hiện công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục nhằm mục tiêu xây dựng được nền giáo dục phát triển lành mạnh, bền vững với mục tiêu giáo dục cụ thể được hiện thực hoá ở các lớp HS nối tiếp nhau trong nhiều năm.

ĐÁNH GIÁ

Bạn hãy chia sẻ với đồng nghiệp để thực hiện một số yêu cầu sau:

- 1) Thảo luận nhóm về sự phát triển tâm lí HS (chất lượng giáo dục), qua đó đánh giá thực trạng dạy học và sự phát triển tâm lí HS.
- 2) Tìm hiểu nguyên nhân của các hiện tượng “chạy trường chạy lớp” và dạy thêm học thêm.
- 3) Đề xuất biện pháp đổi mới phương pháp dạy học, quản lí hoạt động dạy và học để nâng cao chất lượng giáo dục.

Hoạt động 6: Thống nhất phương pháp đánh giá chất lượng dạy và học ở trung học cơ sở

Bạn đã từng tham gia đánh giá chất lượng dạy và học ở THCS, hãy nhớ lại và viết ra suy nghĩ của mình để thực hiện một số yêu cầu sau:

- * Nêu những định hướng đánh giá hoạt động dạy của GV:

* Nêu những định hướng đánh giá kết quả học tập của HS:

* Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy và học:

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết ra với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động học tập của HS và đánh giá lớp học, trường học nói chung cần xác định rõ: (1) Mục đích đánh giá; (2) Thông tin (cứ liệu) và nhận định, xếp loại; (3) Sử dụng kết quả đánh giá.

Kiểm định đánh giá trường học, lớp học, hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học của HS là hướng vào thực hiện mục tiêu giáo dục, hướng tới mục đích nâng cao chất lượng giảng dạy của GV và kết quả học tập (học tập – thực hành) của HS.

1. Đánh giá hoạt động dạy của giáo viên

Một thời gian dài việc giảng dạy của GV được đánh giá qua một số tiết dạy (đơn vị thời gian su phạm trên lớp) căn cứ vào quá trình diễn ra qua 5 bước lên lớp. Quy trình dạy học theo 5 bước lên lớp (công nghệ dạy học cũ) là cấu trúc khá chặt chẽ và được thể hiện, trước hết là trên bản giáo án của GV, sau đó là diễn biến thực tế trên lớp. Một tiết dạy được đánh giá xếp loại tốt khi nó diễn ra theo giáo án và sự tuân thủ về thời gian xác định cho từng bước lên lớp, nội dung trong sáng và tính logic cả về nội dung và hình thức. Đồng thời có nhận xét đánh giá một phần kết quả tiếp thu bài học của HS qua việc trả lời các câu hỏi phát vấn, qua kiểm tra nhanh.

Trong giai đoạn đổi mới phương pháp dạy học, việc đánh giá tiết dạy của GV được hướng theo sự định hướng phương pháp mới: sử dụng phương

tiện kĩ thuật, như giáo án điện tử, phương tiện trình chiếu thay cho đọc–chép; học theo nhóm, học kiểu giải quyết vấn đề.

Nhìn chung, việc đánh giá các tiết dạy của GV, tuy có điểm khác về hình thức nhưng về bản chất vẫn chưa vượt ra khỏi quỹ đạo của cách đánh giá thiên về logic hình thức, vẫn chưa nhằm trúng đích của mục tiêu từng tiết học.

Định hướng đánh giá hoạt động dạy của GV:

- * *Xác định rõ mục đích:* tùy theo từng giai đoạn với nhiệm vụ giáo dục cụ thể mà xác định mục đích đánh giá cụ thể, ví dụ như:
 - Đánh giá hoạt động chuyên môn của GV để biết được trình độ và trách nhiệm của từng GV.
 - Đánh giá qua một số tiết dạy cụ thể để biết được khả năng giảng dạy của mỗi GV.
 - Đánh giá toàn bộ lao động sư phạm của GV để biết được số lượng, loại hình và chất lượng của đội ngũ so với yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường.
- * *Xác định thông tin đánh giá:* Tùy theo mục đích cụ thể mà xác định những thông tin cần phải tìm hiểu, ví dụ như:
 - Thông tin về sự chuẩn bị cho bài dạy của GV như soạn giáo án thiết (kế bài dạy).
 - Thông tin về sự tìm kiếm, chuẩn bị thiết bị, đổi mới phương pháp dạy học.
 - Thông tin về thực tế hoạt động dạy và học ở trên lớp.
 - Thông tin về kết quả học tập của HS.

Từ những thông tin thu nhận được (do cán bộ quản lí hoặc GV) với mục đích xác định có thể đánh giá, xếp loại GV, nhưng việc này cần hết sức thận trọng và có giới hạn nhất định, vì đây là việc làm tế nhị và nhạy cảm.

- * *Sử dụng kết quả đánh giá:* Kết quả đánh giá có thể phục vụ cho việc xem xét đánh giá xếp loại thi đua, có thể dùng làm tư liệu để theo dõi GV phục vụ cho nhiệm vụ quản lí, có thể làm căn cứ để phân công giảng dạy cho phù hợp theo phương án tương đối tối ưu trong trường, cũng có thể làm căn cứ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và tạo điều kiện cho GV.

Dù với mục đích cụ thể nào thì việc đánh giá GV cũng cần theo định hướng cơ bản là hiểu rõ thực trạng đội ngũ và hướng xây dựng phát triển đội ngũ, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Đánh giá kết quả học tập của học sinh

Việc đánh giá HS trong quá trình học tập ở trường cũng cần theo định hướng về mục đích đánh giá, thông tin cần thu thập và kết quả đánh giá xếp loại HS, sử dụng kết quả đánh giá.

HS học ở trường được đánh giá theo 2 mặt: hạnh kiểm và học lực.

- * *Về hạnh kiểm*: HS được nhận định đánh giá theo những quy định chung do sự nhận xét đánh giá của GV và của chính HS. Những nhận định đánh giá này chủ yếu dựa vào sự định lượng, tuy nhiên không tránh khỏi cảm tính của con người. Vì vậy, việc nhận xét đánh giá hạnh kiểm của HS cần thận trọng, nếu không sẽ chỉ thấy hiện tượng qua biểu hiện ở một số tình huống nhất định mà không hiểu được bản chất của con người.

Đã một thời ở cấp THCS có quy định lấy sự xếp loại học lực làm một trong những căn cứ để đánh giá xếp loại hạnh kiểm của HS. Theo đó, những HS có học lực trung bình và yếu thì không thể được xếp loại hạnh kiểm tốt. Nếu xem xét đầy đủ về đạo lý và thực tiễn thì quy định đó không thích hợp với những HS do có hoàn cảnh khó khăn riêng mà không thể học tập đạt kết quả cao nhưng phẩm chất của các em lại không có điều gì đáng chê trách, thậm chí còn đáng biểu dương khích lệ. Ví dụ như HS bị khuyết tật, hoặc HS gia đình gặp nhiều khó khăn không có điều kiện học tập bình thường.

- * *Về học lực*: Nhiều môn học được đánh giá bằng định lượng (điểm số), có một số môn được đánh giá bằng định tính. HS cấp THCS, trong quá trình học tập cần lĩnh hội cả lý thuyết và thực hành, điều này được nhận định, đánh giá qua các bài kiểm tra, thí nghiệm và thực hành. HS học nhiều, được kiểm tra đánh giá nhiều lần, nhận được nhiều điểm trong đó có điểm tốt, điểm trung bình, thậm chí có điểm dưới trung bình. Trong những bài kiểm tra, có nhiều kiến thức, kỹ năng sau khi nhận được kết quả (điểm số) không lâu HS có thể quên hoặc một thời gian sau sẽ quên, nhưng cũng có những kiến thức và kỹ năng thì không được phép quên.

Thực tế có tính quy luật nêu trên đòi hỏi GV, trong giảng dạy, cần chọn lọc, hướng dẫn HS cách học, điều cần học, nghĩa là học phương pháp, học về

tư duy, học để đạt trình độ mới cao hơn chứ không phải chỉ để tích lũy kiến thức. Nhiều nhà chuyên môn đã có nhận định rằng trong số những người thành đạt trong cuộc sống nghề nghiệp thì kiến thức học ở trường chỉ có tác dụng khoảng 15%, còn lại là trình độ tư duy, tầm nhìn, đạo đức nghề nghiệp và những kiến thức kỹ năng mềm khác, điều mà mỗi người học tập và tích lũy được trong cuộc sống.

- * *Cấp THCS là cấp phổ cập*, tuy không phải qua kì thi tốt nghiệp nhưng HS vẫn cần được xem xét, đánh giá để được cấp chứng chỉ (Bảng THCS – một loại văn bằng làm căn cứ để HS sau THCS có thể học lên THPT hoặc vào học các trường nghề (trung cấp hoặc cao đẳng nghề)). Vì vậy mà việc đánh giá kết quả học tập của HS THCS là việc làm rất có ý nghĩa và cần sự cẩn trọng, từ việc đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập của HS đến việc kiểm tra, đánh giá định kì.

- * *Quan niệm về chất lượng phổ cập:*

Theo quy luật tự nhiên thì HS ở một lớp, một trường, của từng vùng miền và trên phạm vi cả nước có sự phân hoá về học lực và có thể xếp theo chiều hướng phát triển như sau:

Yếu kém → Trung bình → Khá → Giỏi

Giữa các trình độ nêu trên có các trình độ trung gian, như dưới trung bình (cận trung bình), trung bình khá. Đó là sự phân định theo lát cắt ở từng thời điểm (có thể qua 1 bài kiểm tra hoặc qua 1 tuần, 1 tháng, 1 học kì hay 1 năm học). Trong quá trình học tập, ở mỗi HS thường có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực (tiến bộ) hoặc theo chiều hướng tiêu cực (sa sút).

Từ sự thay đổi có tính quy luật về kết quả học tập (học lực) của HS nhắc nhở GV không nên định kiến và thiếu quan tâm đến mọi đối tượng HS.

- * *Xem xét công nhận HS đạt trình độ phổ cập THCS:*

- Căn cứ vào kết quả về hạnh kiểm và học lực của HS cả quá trình học tập trong năm học lớp 9 (chủ yếu là học kì II), bởi lẽ:
 - + Các năm học trước HS đã được xem xét đánh giá, em nào đủ điều kiện mới được lên lớp.
 - + Hạnh kiểm và học lực của HS trong năm cuối cấp phản ánh phẩm chất và năng lực của mỗi em ở thời điểm có tính dấu mốc của một giai đoạn phát triển.

- + Trình độ phổ cập là trình độ tối thiểu cần thiết dành cho mọi trẻ em ở lứa tuổi HS THCS.

Vào thập niên đầu của thế kỉ XXI, ở nước ta chủ trương thực hiện phổ cập giáo dục THCS trên phạm vi cả nước vào năm 2010, nhiều tỉnh đạt sớm hơn.

Cấp THCS có mục tiêu kép, nghĩa là học hết THCS có chứng chỉ, HS có thể phân luồng theo 2 hướng:

- Học tiếp lên THPT, chỉ tiêu theo khả năng, điều kiện từng địa phương, có nơi hầu như HS học xong THCS đều có thể học lên THPT và coi như đã phổ cập THPT như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.
- Học xong THCS có chứng chỉ tốt nghiệp, một số HS có thể rẽ ngang theo hướng học trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, hoặc học nghề để trực tiếp tham gia lao động tự nuôi sống mình và giúp đỡ gia đình. Phát triển theo hướng này, tương lai các em vẫn có thể phát triển để đạt trình độ cao bằng những con đường khác nhau.

Cần lưu ý:

- Những trẻ em trước 16 tuổi đều được tạo điều kiện để học tập và nếu là những người có sự phát triển bình thường về tâm sinh lí, không bị bệnh tật nặng đều có thể học tập và đạt trình độ THCS.
- Việc xem xét công nhận HS học hết lớp 9 đạt trình độ phổ cập THCS là công việc bình thường nhưng có ý nghĩa giáo dục và xã hội, nếu quản lí giáo dục tốt, hoạt động dạy và học theo hướng dạy tốt – học tốt, xã hội quan tâm thì HS đạt kết quả phổ cập THCS với tỉ lệ cao cũng là bình thường, nơi nào thấp thì cần xem lại, tìm nguyên nhân để có biện pháp khắc phục.

3. Hướng đổi mới kiểm định và đánh giá chất lượng

a. Một số thử nghiệm về đánh giá chất lượng giáo dục ở các trường học

Có nhiều người quan niệm chất lượng giáo dục là khái niệm phức tạp rất khó đánh giá, khó có sự đồng thuận trong cách nhìn nhận và cách đánh giá chất lượng giáo dục. Đó cũng là cách quan niệm, lí giải của một số người làm giáo dục khi họ không muốn tiến hành tổng kết đánh giá các cuộc cải cách giáo dục và đổi mới giáo dục. Hiện nay có một số nơi đang tiến hành thí điểm một vài cách đánh giá được nhập từ nước ngoài, ví dụ như:

- Đánh giá ngoài: nội dung và cách thực hiện khá phức tạp, khó thực hiện đầy đủ, thoả đáng trong điều kiện của nước ta hiện nay. Tuy nhiên cách đánh giá này cũng mới chỉ thực hiện thí điểm trong diện hẹp để rút kinh nghiệm, nếu làm nghiêm túc thì cũng bổ ích, chủ yếu là để rút ra được bài học.
- Đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng: như nhiều nước thực hiện, trước hết là các trường đại học. Ở nước ta cũng nhiều trường đại học áp dụng trong một số năm nhưng chưa được tổng kết rút kinh nghiệm nên chưa có được những nhận định chính thống.

Gần đây có một số đề tài nghiên cứu thử nghiệm về phương pháp nhập từ nước ngoài, tạm dịch là “Đánh giá chất lượng tổng thể” viết tắt là TQM (T = Total; Q = Quality; M = Menagement). Theo quan điểm và các nguyên tắc quản lí TQM đang được áp dụng nhiều trong quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại. Theo một số nhà chuyên môn thì những nguyên tắc chung của TQM cũng có thể tiếp cận và vận dụng trong việc quản lí chất lượng đào tạo đại học. Việc áp dụng vào giáo dục phổ thông ở nước ta, cho dù là nghiên cứu thí điểm, cũng cần phải cẩn trọng vì đánh giá theo kiểu cách này còn mới và xa cách thực tiễn ở các trường phổ thông của Việt Nam.

b. Đánh giá chất lượng theo mục tiêu giáo dục

Mục tiêu giáo dục dành cho HS từng cấp học được quy định khái quát trong Luật Giáo dục. Để triển khai thực tiễn giáo dục, mục tiêu đó được cụ thể hoá cho từng lớp học, từng môn học và các hoạt động giáo dục; mục tiêu cụ thể lại được hiện hình, trước hết, ở chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học, yêu cầu tối thiểu của từng hoạt động giáo dục sau đó là ở chương trình và SGK, tài liệu.

Các môn học và các hoạt động giáo dục được triển khai thực hiện, được đánh giá theo hai mặt: hạnh kiểm và học lực (đã nêu ở hoạt động 6).

c. Đánh giá theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia

Đánh giá trường THCS theo các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia là phương pháp kiểm định, đánh giá khá đầy đủ và toàn diện, vì nó hướng tới mục tiêu:

- Đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng (các tiêu chuẩn đầu vào).

- Đánh giá chất lượng và hiệu quả giáo dục từ quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục đến kết quả của các hoạt động đó. Kết quả đó được đánh giá theo 2 mặt như các trường và mỗi GV đang thực hiện và có thể có những đợt đánh giá có tính chuyên đề của các cấp quản lý giáo dục.

ĐÁNH GIÁ

Bạn hãy chia sẻ với đồng nghiệp để thực hiện một số yêu cầu sau:

- 1) Trình bày quan niệm của mình về chất lượng giáo dục.
- 2) Trao đổi, thảo luận về cách đánh giá chất lượng giáo dục: thực trạng và những bất cập.
- 3) Đề xuất biện pháp đổi mới đánh giá chất lượng giáo dục cấp THCS, đánh giá công nhận phổ cập THCS.

Hoạt động 7: Đánh giá kết quả bồi dưỡng module

Bạn hãy nghiên cứu kĩ một lần nữa những yêu cầu, thông tin phản hồi trong các hoạt động và thực hiện một số yêu cầu sau:

- * Xác định những vấn đề trọng tâm cần nắm vững của module:

- * Định hướng nghề nghiệp của bản thân trong thời gian tới:

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết ra với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Những vấn đề trọng tâm của module

- HS THCS có tuổi đời từ 11 đến 15, tuổi có nhiều biến động trong sự phát triển tâm lí, sinh lí và xã hội.
- Hoạt động học tập và giao tiếp là hoạt động chủ đạo của lứa tuổi này.
- HS THCS cần được xem là nhân vật trung tâm trong quá trình dạy học và GD.
- Dạy học ở THCS là một nghề sử dụng công nghệ dạy học. Do vậy, để thực hiện có hiệu quả công nghệ dạy học ở THCS, GV cần nắm vững quy trình công nghệ (đầu vào, quá trình, đầu ra).
- Kiểm tra, đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học. Để đánh giá chất lượng dạy và học, cần phải đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng.

2. Định hướng nghề nghiệp

* Về triết lí giáo dục:

Kể từ khi thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945), trong ngành Giáo dục thường nói tới “nguyên lí giáo dục”, “Phương châm giáo dục”, “Quan điểm giáo dục”... Vào thập niên đầu của thế kỉ XXI, sự quan tâm của ngành Giáo dục được hướng tới “Đổi mới nội dung và phương pháp dạy học”, hướng tới “Đào tạo gắn với nhu cầu xã hội”, hướng tới “Hội nhập quốc tế”...

Thực trạng giáo dục đang có nhiều vấn đề cần phải bàn và tìm ra giải pháp phát triển giáo dục trong giai đoạn mới nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội; thực hiện bước chuyển từ nền giáo dục của một nước nông nghiệp tới nền giáo dục của một nước công nghiệp từ năm 2020 trở đi. Vì vậy, cần có một triết lí giáo dục mới khác với triết lí giáo dục đã lưu truyền từ thời xa xưa.

Có những ý kiến khác nhau quanh vấn đề này. Có ý kiến cho rằng nước ta chưa có triết lí giáo dục; có ý kiến cho rằng triết lí giáo dục đã có, đã tồn tại nhưng chưa được con người, trước hết là những người làm giáo dục ý thức đầy đủ. Thực ra, trong giáo dục có triết lí phát triển và triết lí không phát triển. Đó là những quan niệm, những quan điểm về giáo dục được con người ý thức, trở thành phương châm hành động, trở thành lẽ sống của mình trong lĩnh vực giáo dục như:

- “Tiên học lễ, hậu học văn” – là triết lí không phát triển, không còn phù hợp.
- “Con hơn cha là nhà có phúc” là triết lí phát triển, được lưu truyền từ xa xưa.
- ...

Tuy có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng triết lí phát triển giáo dục trong thời đại ngày nay cũng có một nội dung chung. Đó là: Ai cũng được học, học suốt đời; học để phát triển cá nhân, hoàn thiện nhân cách, để sống tốt đẹp hơn trong xã hội đang vận động theo hướng “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

Triết lí này được con người ở mỗi giai đoạn phát triển của mình ý thức và cụ thể hoá khác nhau. Con người ở lứa tuổi HS THCS tự ý thức về triết lí giáo dục khác với GV, nhà quản lí giáo dục và những công dân khác nhau trong xã hội.

- * Với HS THCS, theo triết lí này thì cần hướng tới:
 - Được học theo mục tiêu giáo dục toàn diện, nội dung chương trình phù hợp.
 - Trong quá trình học tập có tiến bộ, đạt kết quả ít nhất đáp ứng được tiêu chuẩn phổ cập THCS.
 - Sau khi kết thúc THCS có khả năng phát triển tiếp, như học tiếp lên THPT, hoặc vào học các trường nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, hoặc cao hơn theo các ngành nghề mà mình lựa chọn.
 - Có sự phát triển hài hòa về cá nhân, nhân cách và tham gia thích hợp đời sống gia đình, xã hội.
 - Học để có chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất và năng lực nhà giáo trong giai đoạn mới, do vậy mà có công việc ổn định, có uy tín nhà giáo.
 - Làm việc (dạy học và giáo dục HS) đạt chất lượng, hiệu quả.
 - Lương và thu nhập được cải thiện, đảm bảo cuộc sống bình thường (tử loại trung bình) nhờ lương và thu nhập từ việc làm phù hợp, lành mạnh.
 - Sống có trách nhiệm với bản thân, thân thiện, hòa hợp với người thân, với đồng nghiệp, với mọi người trong cộng đồng.
 - Sống thân thiện với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội.
- * Triết lí giáo dục được hiểu như là những quan niệm, quan điểm, tùy theo vị thế và trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, mà con người ý thức và trở thành phương châm, lẽ sống về giáo dục của mình. Mỗi người có thể có triết lí riêng nhưng không phải là điều khác biệt, ngược lại với triết lí giáo dục chung mà phải thuận theo “Cái chung bao hàm cái riêng và cái riêng là sự cụ thể hoá, là sức sống đa dạng của cái chung”.

Bàn về triết lí giáo dục cũng là để mỗi chúng ta ý thức sâu sắc hơn nhiệm vụ nhà giáo, ý thức sâu sắc hơn lương tâm và trách nhiệm nhà giáo. Thầy “không có tuổi”, GV không phải là người thuộc thế hệ trước thế hệ của các lớp HS của mình mà luôn là người đương thời với các em. Mỗi GV luôn cần học, học suốt đời để là người đương thời với HS của mình, để luôn duy trì được phong trào “dạy tốt – học tốt” trong nhà trường. Nếu các trường và mọi GV đều thực hiện nghiêm túc theo sự chỉ đạo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giám tái chương trình thì chắc

chấn giáo dục sẽ dẫn đi vào thế ổn định và chất lượng được cải thiện, cũng chính là chuẩn bị tốt cho công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục.

Với trình độ của đội ngũ và điều kiện như hiện nay, mỗi GV có thể tự học, tự bồi dưỡng để tự xử lý được những vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ phát sinh trong quá trình dạy học mà không cần phải qua các đợt tập huấn như tập huấn thay sách trước đây.

- * Người làm giáo dục cần định hướng theo triết lý giáo dục: Nhà giáo cần có nhân cách ngày càng hoàn thiện, nghĩa là có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về giáo dục thế hệ trẻ. Đặc điểm này của nghề dạy học đòi hỏi GV phải học tập suốt đời và luôn theo định hướng của triết lý giáo dục.

ĐÁNH GIÁ

Do cá nhân tự đánh giá là chính. Nếu có điều kiện, các nhóm đánh giá kết quả bồi dưỡng theo module qua thực hiện các việc sau:

- 1) Thảo luận nhóm về một số điểm thu hoạch mới.
- 2) Nếu có điều kiện có thể viết một bản báo cáo thu hoạch về nội dung mà cá nhân quan tâm và đề xuất ý kiến về hoạt động bồi dưỡng thường xuyên của GV THCS.



D. PHỤ LỤC

(Những tài liệu do GV và nhà trường tự sưu tầm).

- Tài liệu hướng dẫn giám tải.
- Chuẩn kiến thức và kỹ năng các môn học.
- Tài liệu hướng dẫn giảng dạy từng môn học.



E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Hồ Ngọc Đại, *Cải và cách*, NXB Đại học Sư phạm, 2003.
- 2) Nguyễn Kế Hào – Nguyễn Quang Uẩn, *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm, 2009.
- 3) Phó Đức Hòa – Ngô Quang Sơn, *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác*, NXB Đại học Sư phạm, 2011.
- 4) Phan Trọng Ngọ, *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, 2005.
- 5) James H. McMillan (Viện Đại học Quốc gia Virginia), *Đánh giá lớp học – Những nguyên tắc và thực tiễn để giảng dạy hiệu quả* (tài liệu dịch).